



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: PetroVietnam Power Services JSC.;
- Tên viết tắt: PV Power Services;
- Giấy đăng ký kinh doanh số: **0102560459**, do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội cấp sửa đổi lần 08 ngày 20/10/2015 (chuyển đổi từ số 0103021005 cấp lần đầu ngày 27/11/2007);
- Vốn Điều lệ: **150.000.000.000đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**;
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: **150.000.000.000đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 3 7878186 Fax: (84-4) 3 7878185
- Website: www.pvpps.vn
- Mã cổ phiếu: **PPS**

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Thành lập

Trước những yêu cầu thực tế khách quan, với mục tiêu chuyên môn hóa công tác dịch vụ kỹ thuật thực hiện các nhiệm vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành các nhà máy điện trong và ngoài ngành Dầu khí, Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam xác định cần có một đơn vị chuyên nghiệp của ngành Dầu khí đảm nhận nhiệm vụ này.

Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV-Power) đã họp và thông qua Đề cương thành lập mới một số Công ty cổ phần trong đó có phương án thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Ngày 27/11/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103021005 với số vốn Điều lệ là: **150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**.

2.2. *Niên yết*

- Ngày 28/12/2010, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt Nam được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 305/2010/GCNCophan-VSD chính thức chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán niên yết trên sàn giao dịch HNX.

- Ngày 07/01/2011, chứng khoán Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt Nam với mã giao dịch **PPS** chính thức chào sàn HNX với khối lượng trên 100.000 giao dịch thành công.

3. **Ngành nghề kinh doanh – Địa bàn hoạt động**

3.1. *Ngành nghề kinh doanh*

- Lắp đặt hệ thống điện (Lắp đặt thiết bị điện các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyển công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện – điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyển công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV, công suất đến 4.000 MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyển công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 4.000 MW);
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phân thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (không bao gồm thiết kế công trình); Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin;
- Giáo dục khác: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)...

3.2. Địa bàn hoạt động

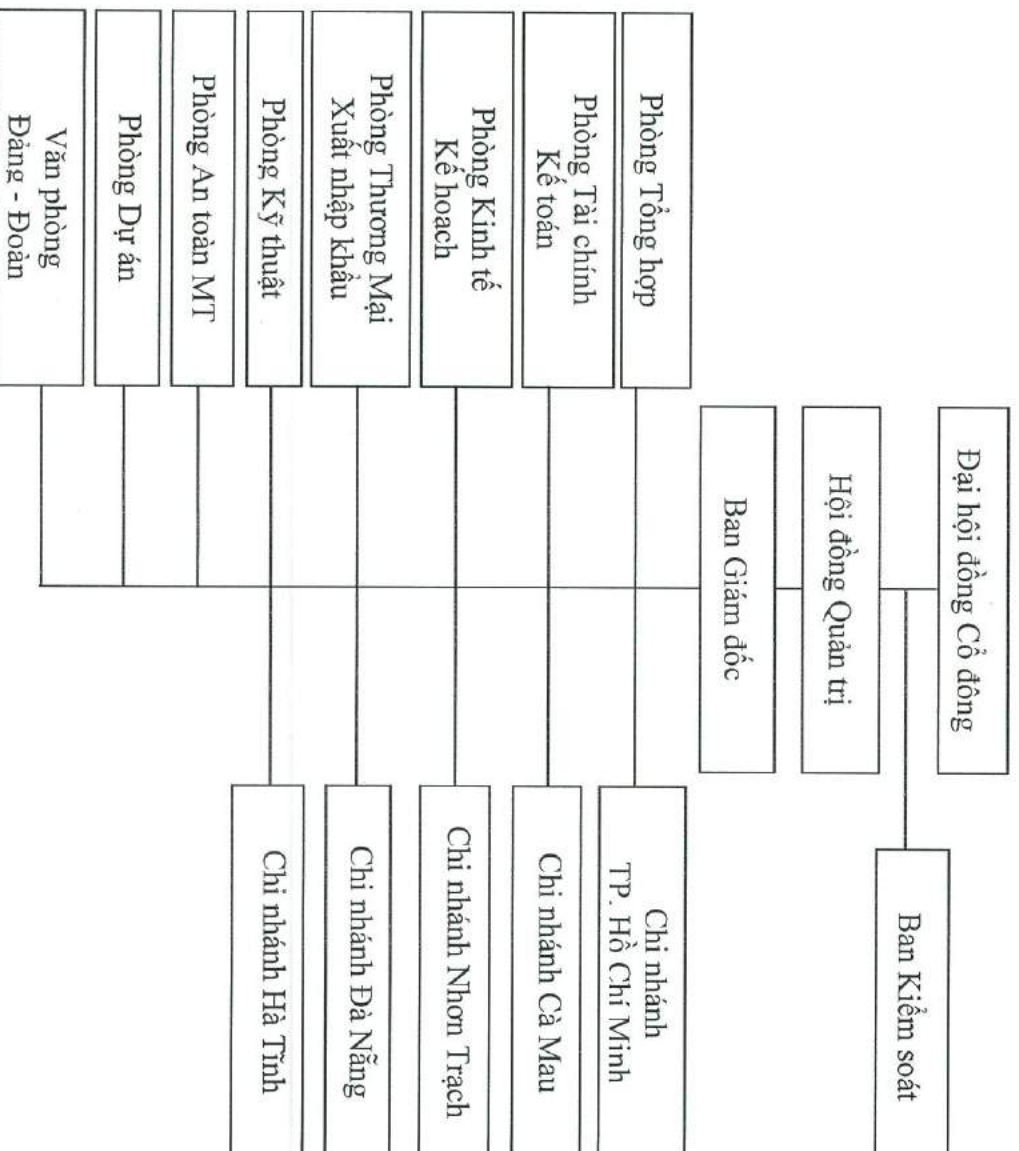
Nhằm tiếp cận thị trường và đặt nền móng cho việc thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp tại khu vực phía Nam, ngày 28/8/2008, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt nam (PV Power Services) đã thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh để thay mặt PV Power Services từng bước triển khai các hoạt động dịch vụ kỹ thuật tại các khu công nghiệp, các đơn vị trong và ngoài ngành; nắm bắt, nghiên cứu thị trường, tổ chức, giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power Services tại khu vực phía Nam.

Ngày 03/8/2009, PV Power Services tiếp tục thành lập hai Chi nhánh Nhơn Trạch và Cà Mau, bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhơn Trạch và Nhà máy điện Cà Mau.

Ngày 12/12/2011, PV Power Services thành lập Chi nhánh Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện là đơn vị chuyên ngành điện lực và tự động hóa điện lực.

Ngày 26/01/2015, Chi nhánh PV Power Services tại Hà Tĩnh được thành lập với nhiệm vụ thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (DHHDCD) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. Hội đồng Quản trị

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do DHHDCD bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của DHHDCD. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết DHHDCD quy định.

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tình hình hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát gồm 03 (ba) thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra.

4.4. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty hiện nay bao gồm: 01 Giám đốc và 05 Phó Giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc Công ty.

4.5. Khối phòng ban chức năng

4.5.1. Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; quản lý công tác hợp đồng, đầu tư mua sắm trong toàn Công ty; kiểm soát chi phí, định mức kho, thẩm định, trình duyệt đầu tư, phối kế hợp với văn phòng phía Nam trong việc bảo trì, sửa chữa các nhà máy điện và một số công việc khác của Công ty.

4.5.2. Phòng Tổng hợp

Phòng Tổng hợp là bộ phận tham mưu chuyên môn trực thuộc Giám đốc. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về: Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ; Công tác lương, thưởng, chế độ, chính sách; Công tác văn thư văn phòng, quản trị hành chính, lễ tân, lái xe, bảo vệ; công tác đối ngoại của Công ty.

4.5.3. Phòng Tài chính – Kế toán

Tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng Quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- Đề xuất các hình thức và giải pháp cần thiết nhằm thu hút, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất;
- Giúp Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty: chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty, kiểm soát hoạt động tài chính của các đơn vị trực thuộc Công ty theo đúng quy định của Nhà nước và phân cấp quản lý của Công ty.
- Bảo đảm đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

4.5.4. Phòng Kỹ Thuật

Tham mưu giúp Ban Giám đốc chỉ đạo, quản lý các công tác, bao gồm:

- Công tác quản lý kỹ thuật của Công ty;
- Kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và bảo vệ môi trường;
- Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất;
- Áp dụng khoa học, công nghệ, tiêu chuẩn hoá, công nghệ thông tin, viễn thông và hệ thống quản lý chất lượng vào quản lý, sản xuất;
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực phân chuyên môn kỹ thuật.

4.5.5. Phòng Dự án

Phòng Dự án là Phòng chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Giám đốc Công ty chỉ đạo công tác xây dựng, quản lý, theo dõi và triển khai thực hiện các dự án của trong và ngoài Tổng Công ty.

4.5.6. Phòng Thương mại & Xuất nhập khẩu: bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các công tác sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện mua sắm thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ, tài sản, phương tiện, bảo hội lao động,... Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức thực hiện việc cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các khách hàng trong và ngoài ngành Dầu khí, trong nước và nước ngoài; Phối hợp với các phòng/đơn vị trong Công ty mở rộng thị trường, thiết lập hệ thống khách hàng, hệ thống nhà phân phối;
- Tham gia công tác xuất nhập khẩu vật tư phục vụ các nhà máy điện.

4.5.7. Phòng An toàn – Môi trường

Là phòng chức năng, giúp việc Ban Giám đốc trên các lĩnh vực sau:

- Công tác An toàn vệ sinh lao động, Bảo hộ lao động, Phòng chống cháy nổ, Phòng chống cháy nổ và Tìm kiếm cứu nạn;
- Công tác bảo vệ môi trường;
- Các công tác khác....

4.5.8. Văn phòng Đảng – Đoàn

Văn phòng Đảng Đoàn là cơ quan thuộc hệ thống các ban Đảng, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, trực tiếp là giúp Ban Chấp hành, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty và Công đoàn Công ty PV Power Services; Tổ chức điều hành công việc lãnh đạo của Đảng, Công đoàn; đồng thời là trung tâm thông tin tổng hợp, báo cáo phục vụ sự lãnh đạo của Đảng ủy, Công đoàn Công ty.

4.6. Khối chi nhánh

4.6.1. Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hồ Chí Minh có chức năng thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan, cụ thể như sau:

- Thiết lập bộ máy quản lý điều hành đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan tại khu vực phía Nam;
- Hỗ trợ các Chi nhánh Cà Mau và Nhơn Trạch trong các hoạt động SXKD;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại địa bàn đặt trụ sở Chi nhánh;

- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực phía Nam từ đó tham mưu cho Công ty trong việc khai thác thị trường và tận dụng các nguồn lực sẵn có để phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty;
- Tự khai thác và tổ chức thực hiện công tác dịch vụ kỹ thuật theo đúng ngành nghề kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật và đảm bảo hiệu quả SXKD.

4.6.2. Chi nhánh Nhơn Trạch

a. Chức năng

- Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan.

b. Nhiệm vụ

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Đồng Nai theo kế hoạch được giao và sử chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Đồng Nai và các vùng lân cận đồng thời giám gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Đồng Nai và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, các thủ tục giấy tờ có liên quan,...)
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4.6.3. Chi nhánh Cà Mau

a. Chức năng

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan.

b. Nhiệm vụ

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Cà Mau theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Cà Mau và các vùng lân cận đồng thời giám gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Cà Mau và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, các thủ tục giấy tờ có liên quan,...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4.6.4. Chi nhánh Đà Nẵng

- Tư vấn, giám sát, đào tạo; lắp đặt thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các nhà máy điện, trạm biến áp, các dây chuyên công nghiệp và tự động hóa;
- Bảo dưỡng và thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ công nghiệp và tự động hóa liên quan trong và ngoài ngành Điện.

4.6.5. Chi nhánh Hà Tĩnh

- a. Chức năng: Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan
- b. Nhiệm vụ
 - Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
 - Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Hà Tĩnh theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
 - Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
 - Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Cả Mau và các vùng lân cận đồng thời giám gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
 - Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Hà Tĩnh và khu vực khác, quyết đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, các thủ tục giấy tờ có liên quan,...)
 - Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng PV Power Services trở thành thương hiệu mạnh trong lĩnh vực bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa các Nhà máy điện nói riêng và nhà máy thuộc lĩnh vực công nghiệp nặng nói chung, từng bước trở thành một đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật chuyên nghiệp trong khu vực. Đến 2025 phấn đấu đảm nhận đến:

- + 90% dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành các nhà máy điện, chi thuê một vài chuyên gia OEM giám sát lắp đặt cho khối thiết bị phụ trong các nhà máy điện khí của PVPower (Không bao gồm hệ thống Tua bin khí, Tua bin hơi, Máy phát);
- + 50% dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng khối thiết bị chính Tua bin khí, Tua bin hơi, Máy phát của nhà máy điện khí của PV Power trong phạm vi công việc của nhà thầu OEM;
- + 80% dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành các nhà máy điện, chi thuê một vài chuyên gia OEM giám sát lắp đặt cho khối thiết bị chính của nhà máy điện than. Tiến tới tham gia dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy nhiệt điện khí, nhiệt điện than, thủy điện, và phong điện trong nước và nước ngoài;
- Đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thực hiện các Hợp đồng bảo trì nhà máy điện của PV Power;
- Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao về quản lý, kỹ thuật, đầu tư khoa học, công nghệ để đảm bảo thực hiện tốt nhất các dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện đã và sẽ đi vào vận hành trong và ngoài Tổng Công ty;
- Phát triển mở rộng sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu của Công ty ngày càng lớn mạnh.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Giai đoạn đến hết năm 2015
- + Tiếp tục thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện khí Cà Mau 1&2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1. Phần đầu thực hiện tổng doanh thu từ các nhà máy này đạt 1.074,83 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2015 đến 2025:
 - + Phần đầu từ 2016-2020, nhân sự của PV Power Services sẽ dần đảm nhận trực tiếp phạm vi công việc do các nhà thầu phụ OEM hiện đang thực hiện.
 - + Phần đầu đến 2025 thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa cho toàn bộ các nhà máy do PVPower làm chủ đầu tư với tổng giá trị doanh thu dự kiến đạt 15.061,11 tỷ đồng.
 - + Đào tạo kỹ thuật chuyên sâu cho đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề.
 - + Đảm bảo cân bằng và bền vững nguồn lực tài chính.
- Các chỉ tiêu chính của PV Power Services trong giai đoạn 2016 - 2020: (Biểu 1)

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Chiến lược phát triển SXKD 2016 - 2020					Tổng cộng	Tăng trưởng bình quân (%)
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	Vốn chủ sở hữu	tỷ đ.	192.4	200.5	206.0	208.2	221.5		
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	tỷ đ.	150.0	150.0	150.0	150.0	150.0		
2	Tổng doanh thu	tỷ đ.	1.338.3	1.147.5	1.281.5	1.271.9	1.792.7	6,832.0	2%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	tỷ đ.	30.1	34.9	36.3	34.2	43.8	179.2	19%
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ.	23.0	27.2	28.3	26.7	34.1	139.3	
	Tỷ suất LNST/Vốn ĐL	%	15.33%	18.13%	18.85%	17.77%	22.75%		
	Tỷ lệ chia cổ tức	%	12%	14%	14%	13%	17%		17%
	Thu nhập trên 1 cổ phần	đ/cp	1.200.0	1.400.0	1.400.0	1.300.0	1.700.0		17%

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Mục tiêu của Công ty là phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.
- Công ty luôn gắn bó và thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như:
 - + Tham hỏi tăng quà cho CBCNV là con thương binh, liệt sỹ, các gia đình chính sách nhân ngày 27/7;
 - + Tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo, Tham các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại bệnh viện;
 - + Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn;
 - + Tham gia các chương trình xây nhà tình nghĩa, xây dựng trường học tại vùng sâu vùng xa.
- Công ty tham gia các sự kiện về môi trường như:
 - + Tham gia các sự kiện quốc tế: giờ trái đất và ngày môi trường thế giới;
 - + Công ty trang bị điện thoại nội bộ, hộp nội bộ qua truyền hình trực tuyến để giảm thiểu thời gian di chuyển hướng tới mục tiêu tiết kiệm năng lượng;
 - + Thực hiện các khóa đào tạo tại chỗ để tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.

6. **Rủi ro**

- Giá trị hàng vật tư nhập khẩu nước ngoài có giá trị rất lớn trong tổng giá thành dịch vụ, do đó PV Power Services luôn có nhu cầu giao dịch bằng ngoại tệ. Vì vậy, những thay đổi về chính sách quản lý tiền tệ, ngoại hối ảnh hưởng rất lớn đến kết quả thực hiện kế hoạch và tính chủ động trong SXKD của Công ty;

- Yêu cầu về nhân lực có chất lượng cao ngày càng cấp thiết, trong khi chính sách và qui định của Nhà nước chưa đáp ứng được khả năng thu hút và giữ cho các chuyên viên/kỹ sư cấp cao không đáp ứng được dẫn đến khó thu hút được nhân tài và giữ chân người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề;
- Kế hoạch phát điện của các Nhà máy theo dự kiến của Chủ đầu tư không đúng với tiến độ đặt ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: (Biểu 2)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả hoạt động		
			Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm
I	Doanh thu thuần		1,194.29	1,279.45	107%
1	Do Nhà thầu OEM thực hiện	tỷ đ	1,014.56	942.66	93%
2	Do PVPS tự thực hiện	tỷ đ	179.73	336.80	187%
II	Chi phí sản xuất		1,161.33	1,246.53	107%
1	Giá vốn hàng bán	tỷ đ	1,121.66	1,198.57	107%
2	Chi phí quản lý DN	tỷ đ	39.43	47.92	122%
3	Chi phí bán hàng	tỷ đ	0.08	0.02	21%
4	Chi phí khác	tỷ đ	0.17	0.01	8%
III	Lợi nhuận				
1	Lợi nhuận gộp	tỷ đ	72.63	80.88	111%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	tỷ đ	37.93	31.95	84%
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	29.54	24.86	84%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ	1,806.00	1,657.20	92%

Qua số liệu tại Biểu 2 cho thấy:

Lợi nhuận sau thuế 2015 giảm 16% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân:

- Tổng doanh thu được ghi nhận trong kỳ tăng 8% so với 2014 do giá trị thực hiện các hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhơn Trạch 1 được ghi nhận trong Quý 4/2015, đặc biệt, trong Quý 4/2015, PPS được ghi nhận giá trị thực hiện sửa chữa thường xuyên tại Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 trên cơ sở Hợp đồng được ký trong năm 2015;
- Các yếu tố làm ảnh hưởng đến sự chênh lệch lợi nhuận giữa năm 2014 và 2015:
 - + Quý 4/2014, hạch toán bổ sung doanh thu trên 5 tỷ đồng, đồng thời tăng lợi nhuận tương ứng theo kiến nghị của cơ quan Kiểm toán Nhà nước từ các hoạt động sửa chữa thường xuyên Nhà máy điện Nhơn Trạch 1;
 - + Chi phí trực tiếp 2015 (giá vốn hàng bán) tăng 8% tương ứng với mức tăng doanh thu 2015, chi phí quản lý tăng 15% do quy mô hoạt động của Công ty được mở rộng (thành lập Chi nhánh Hà Tĩnh để phục vụ công tác bảo trì sửa chữa Nhà máy điện Vũng Áng 1);

- + Doanh thu tài chính Quý 4/2014 được ghi nhận bổ sung 1 tỷ đồng từ việc đánh giá lại tỷ giá công nợ có nguồn gốc ngoại tệ và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tại doanh nghiệp khác 157 triệu đồng theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước;
- Chi phí tài chính 2015 gia tăng do phát sinh các khoản vay phục vụ sản xuất kinh doanh bù đắp lượng vốn thiếu hụt do tồn đọng công nợ với Ngân sách Nhà nước (thời gian chờ hoàn thuế giá trị gia tăng 2014).

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành PV Power Services

TT	Họ và tên	Chức vụ
I Hội đồng quản trị		
1	Ông Phan Ngọc Hiền	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT – Giám đốc
3	Bà Cao Thị Liên	Thành viên HĐQT chuyên trách
4	Ông Phan Đại Thành	Thành viên HĐQT
5	Ông Ngô Kim Sơn	Thành viên HĐQT độc lập
II Ban Giám đốc		
1	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Giám đốc
2	Ông Bùi Duy Nhị	Phó Giám đốc
3	Ông Võ Khánh	Phó Giám đốc
4	Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Giám đốc
5	Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc
6	Ông Đinh Quang Hưng	Phó Giám đốc
III Kế toán trưởng		
1	Ông Lê Đình Thái	Kế toán trưởng

2.2. Tóm tắt lý lịch

2.2.1. Ông Phan Ngọc Hiền – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Sinh ngày: 25/10/1975
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Nguyễn quán: Hà Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - 2007	Bảo lao động	Kỹ thuật viên – Trưởng phòng Chế bản
6/2007 - 1/2008	Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng Ban Tổng hợp kiêm Trưởng Phòng Hành Chính
01/2008-07/9/2015	Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam	Chánh văn phòng
07/9/2015– nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
 - + Sở hữu đại diện : 2.250.000 cổ phiếu
- + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.2. Bà Cao Thị Liên – Thành viên HĐQT chuyên trách

- Ngày sinh : 26/11/1962
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 19 Lý Nam Đế - Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Số CMND : 010178290 do Công an Hà Nội cấp 24/02/2004
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1987-3/1998	Công ty Điện lực Hà Nội – Tổng Công ty Điện lực Việt Nam	Chủ nhiệm đề án
3/1998-11/2004	Xuất Nhập khẩu – Công ty Điện lực Hà Nội	Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại
11/2004-12/2005	Công ty Điện lực Hà Nội	Phó Giám đốc Trung tâm Viễn thông và CNTT
1/2006 – 8/2007	Công ty Điện lực Hà Nội	Trưởng phòng Viễn thông và CNTT
9/2007 – 1/2008	Ban Kinh tế Kế hoạch Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng Kế hoạch – Hợp đồng
1/2008 – 5/2009	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)	Trưởng Ban Kế hoạch
5/2009 đến nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
- + Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cổ phần
- + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.3. Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

- Ngày sinh : 28/10/1971
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định

- Địa chỉ thường trú: 36B, Tổ 2, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND : 013328983 do Công an Hà Nội cấp 27/7/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 1998	Văn phòng đại diện Fujitsu	Nhân viên phòng kỹ thuật
1998 – 2002	Công ty TNHH Việt Á	Trưởng phòng Dự án
2002 – 2007	Ban năng lượng – truyền tải và phân phối điện Văn phòng đại diện SIEMENS AG tại Việt Nam	Phụ trách dự án, phụ trách bán hàng
2007 – 9/2011	Công ty Cổ Phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Phó Tổng Giám đốc
9/2011 – 9/2015	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)	Trưởng Ban Kỹ Thuật
10/2015 - nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Giám đốc Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - + Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 Cổ phần
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.4. Ông Phan Đại Thành – Thành viên HĐQT

- Ngày sinh : 01/6/1970
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 96 A Ngõ 325 Kim Ngưu Hà Nội
- Số CMND : 011608864 do Công an Hà Nội cấp 08/12/2009
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 – 1996	Công ty Thép Việt Úc	Kỹ sư giám sát điện
1997 – 2003	Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (COMA)	Phó phòng Kế hoạch Đầu tư
2003 – 2005	Cty Xây lắp và Dịch vụ kỹ thuật (COMA 15)	Giám đốc
2005 – 2007	Cty Cổ PHẦN Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3 (COMA 3)	Giám đốc
2007 – 9/2015	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Giám đốc
10/2015 nay	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban kỹ thuật

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 5.000 Cổ phần
 - + Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cổ phần
- + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.5. Ông Ngô Kim Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Ngày sinh : 23/3/1985
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Cầu Tiên, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Số CMND : 012512486 do Công an Hà Nội cấp ngày 11/5/2013
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện – Tự động hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 - nay	Công ty TNHH Tập Đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long	Trưởng phòng kinh doanh

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Thương mại Tổng Công ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - + Sở hữu đại diện : 0 Cổ phần
 - + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.6. Ông Bùi Duy Nhị – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 28/9/1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: P 210, nhà A1, Thành Công, Ba Đình, Hà nội
- Số CMND : 012669156 do Công an Hà Nội cấp 07/3/2008
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1988-1996	Công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh	Phó trưởng phòng Tổ chức
1996-1999	Công ty Vận tải xăng dầu Nghệ Tĩnh	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
1999-2001	Chi nhánh XNK Xăng dầu	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
2001-2007	Công ty xăng dầu Khu vực 1	Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính
2007-2011	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng Ban tổ chức nhân sự
1/9/2011 – nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.7. Ông Võ Khánh – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 01/01/1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thôn Phú Mỹ, Đại Minh, Đại Lộc, Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 162A, Nguyễn Tuấn, Nhân chính, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số CMND : 200411631 do Công an Đà Nẵng cấp 24/4/2008
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1988 - 2002	Trung tâm thí nghiệm điện – Điện	Quản đốc phân xưởng

	lực 3.	Role – Tự động
2002 - 2007	Trung tâm thí nghiệm điện - Công ty Cổ Phần Sông Đà 11.	Giám đốc trung tâm Thí nghiệm điện
2007 - 2011	Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	Tổng Giám đốc
2011 – 2014	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.8. Ông Mã Ngọc Kỳ – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 12/12/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Trị Thiên
- Địa chỉ thường trú: 5/99/16A, đường Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số CMND : 025337620 do Công an TP. HCM cấp 28/7/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế máy
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 2002	Phân xưởng sửa chữa - Điện Phú Mỹ	Kỹ sư
2002 – 2007	Phụ Mỹ 3 BOT	Kỹ sư phòng Bảo trì
2008 đến nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.9. Ông Vũ Quang Dũng – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 19/10/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 7 ngõ 204 Thụy Khê, Hà Nội
- Số CMND : 011917386 do Công an Tp. Hà Nội cấp 16/02/2004
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000-2008	Công ty Intergraph	Trưởng phòng dự án
2008-2010	GP Link JSC	Phó Giám đốc/Giám đốc
2010-9/2011	PV C&I	Tổng Giám đốc
9/2011 đến nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.10. Ông Đinh Quang Hưng – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 15/7/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú : Cầu Giấy – Hà Nội

- Số CMND : 022077000032 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 15/7/2014
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2/2002 - 9/2007	Tổng cục An Ninh – Bộ Công An	
10/2007 – nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng Thương mại & Xuất Nhập khẩu

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.11. Ông Lê Đình Thái – Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 15/11/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thạch Long – Thạch Hà – Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: P 2036, tòa nhà VNT, 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
- Số CMND : 013571798 do Công an Hà Nội cấp ngày 31/8/2012
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2003 - 5/2007	Công ty CP Sông Đà 9 – Chi nhánh Sông Đà 908	Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán
6/2007 – 4/2008	Công ty CP Sông Đà 9 – Chi nhánh Sông Đà 908	Phó trưởng Ban Tài chính – Kế toán

- Công ty thực hiện trên nguyên tắc phân phối theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV và người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Đảm bảo cho 100% CBCNV được ký Hợp đồng lao động, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 194 người, chiếm 36,48%
 - + Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 đến 5 năm: 377 người, chiếm 63,9%
 - + Hợp đồng thử việc: 19 người, chiếm 3,2%
- Công tác tham gia BHXH, BHYT, BHTN và đặc biệt PV Power Services đã ký với PVI Hợp đồng “Bảo hiểm con người với trách nhiệm cao”, giải quyết tốt chế độ chính sách kịp thời cho người lao động; chăm lo đời sống cho CBCNV và người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn của đất nước của ngành và công ty.
- Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty năm 2015 là: 19,0 triệu đồng/người/tháng.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

4.1. Các khoản đầu tư lớn: Không có

4.2. Các Công ty con, Công ty liên kết

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC);
- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ: 11,90% Vốn Điều lệ PV Tech
- Địa chỉ: Tầng 17, tòa nhà INCON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
- Giấy đăng ký KD số: 0103035042
- Vốn Điều lệ: **42.352.900.000 đ.**
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
 - + Mua bán, cung cấp, xây dựng, cho thuê, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;

- + Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
- + Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
- + Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu;
- + Nghiên cứu tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), sản xuất, đào tạo, lắp đặt các hệ thống thương mại, giao dịch điện tử và các dịch vụ thương mại điện tử;
- + Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông;
- + Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
- + Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, thẩm tra tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu, các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu;
- + Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo, chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa.

- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ cổ phần tại PV Tech (PAIC): 11,90% Vốn Điều lệ

- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	đ	84,939,108,015	56,946,317,820	67,04%
Doanh thu thuần	đ	71,460,769,628	72,764,457,177	101,82%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	đ	1,722,313,493	2,857,342,694	165,90%
Lợi nhuận trước thuế	đ	1,455,207,422	2,675,435,333	183,85%
Lợi nhuận sau thuế	đ	1,389,994,531	2,675,435,333	192,48%

5. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

(Biểu 3)

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	đ	3,427,282,787,459	3,443,493,267,050	100,47%
Doanh thu thuần	đ	1,121,658,677,224	1,198,573,710,008	106,86%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	đ	37,999,857,772	31,552,432,179	83,03%
Lợi nhuận trước thuế	đ	37,926,553,639	31,949,224,421	84,24%
Lợi nhuận sau thuế	đ	29,537,865,682	24,857,968,364	84,16%
Tỷ lệ trả cổ tức	%	12,87%	13,00%	101,01%

Ghi chú: Tỷ lệ trả cổ tức 2015 chỉ mang tính chất dự báo, tỷ lệ chi trả chính thực phải được Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên 2016.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Biểu 4)

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Khả năng thanh toán		
	- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	1.04	1.04
	- Hệ số thanh toán bằng tiền	0.15	0.26
2	Cơ cấu vốn		
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.93	0.96
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	13.72	17.33
3	- Hệ số bảo toàn vốn	0.98	1.07
	Năng lực hoạt động		
	- Vòng quay nợ phải thu	0.17	0.26
4	- Vòng quay hàng tồn kho	0.51	0.44
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.41	0.37
	Khả năng sinh lợi		
	- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,47%	1,94%
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	16,17%	13,3%
	- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	1,09%	0,7%

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 Cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 10.366.200 Cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.633.800 Cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông lớn: 3 cổ đông, nắm giữ 11.135.800 cổ phần tương đương 76% tổng số cổ phần
- Cổ đông là tổ chức nhà nước: 1 cổ đông, nắm giữ 7.650.000 cổ phần, tương đương 51% tổng số cổ phần
- Cổ đông là tổ chức nước ngoài: 2 cổ đông, nắm giữ 3.757.100 cổ phần, tương đương 25% tổng số cổ phần.
- Các cổ đông khác nắm giữ 3.592.900 cổ phần, tương đương 24% tổng số cổ phần.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e. Các chứng khoán khác: không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

a. Các chỉ tiêu chủ yếu

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Đạt (%)
I	Tổng doanh thu	1,074.83	1,281.27	119%
1	Doanh thu trực tiếp	163.12	326.08	200%
1.1	Doanh thu từ các Hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng	144.22	222.16	154%
1.2	Doanh thu từ các dịch vụ ngoài	14.24	102.50	720%
1.3	Doanh thu tài chính	4.66	1.40	30%
2	Doanh thu từ nhà thầu phụ	878.53	942.66	107%

TT	Chi tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Đạt (%)
3	Doanh thu thực thanh thực chi	33.18	12.11	36%
4	Doanh thu khác		0.44	
II	Tổng chi phí	1,040.77	1,249.32	119%
1	Chi phí trực tiếp	84.52	243.8	289%
2	Chi phí quản lý	43.95	47.92	109%
3	Chi phí nhà thầu phụ	878.53	942.66	107%
4	Chi phí tài chính	0.59	2.82	478%
5	Chi phí thực thanh thực chi	33.18	12.11	107%
6	Chi phí khác		0.01	
III	Lợi nhuận trước thuế	31.91	31.95	100%
IV	Lợi nhuận sau thuế	24.89	24.86	100%

- Năm 2015, PV Power Services có sự gia tăng đột biến về doanh thu so với kế hoạch sản xuất kinh doanh được Hội đồng Quản trị giao. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

+ Ghi nhận doanh thu từ hoạt động bảo trì, sửa chữa thường xuyên Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, giá trị này chưa được xác định trong kế hoạch kinh doanh năm 2015 do thời điểm lập kế hoạch, Hợp đồng bảo trì sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 đang trong quá trình thương thảo;

+ Phát sinh Hợp đồng cung cấp vật tư dự phòng chiến lược cho 2 năm đầu tiên cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Hợp đồng dịch vụ giao nhận thiết bị tại Tam Đảo. Đây là các hạng mục dịch vụ ngoài, hình thành sau khi kế hoạch 2015 được lập.

- Tuy nhiên, sự gia tăng về doanh thu không tạo nên sự đột biến về lợi nhuận do:

+ Giá trị thực hiện sửa chữa thường xuyên 8 tháng đầu năm tại Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng được thực hiện theo phương thức thực thanh – thực chi, không làm phát sinh lợi nhuận. Lợi nhuận thu được từ giá trị thực hiện 4 tháng cuối năm chỉ đảm bảo bù đắp các chi phí phục vụ cho công tác chuẩn bị, khảo sát Nhà máy trước khi tiếp nhận và ký Hợp đồng chính thức;

- + Chi phí quản lý tăng gần 10% so với kế hoạch do việc mở rộng quy mô sản xuất (thành lập Chi nhánh tại Hà Tĩnh), tăng cường nhân lực quản lý....;
- + Phát sinh chi phí tài chính từ nguồn vốn vay phục vụ sản xuất kinh doanh bù đắp nguồn vốn thiếu hụt từ năm 2014 do tồn đọng công nợ phải thu từ Ngân sách Nhà nước trong quá trình chờ hoàn thuế;
- Mặc dù gặp khó khăn về tài chính như đã trình bày ở trên, doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 70% so với kế hoạch, PV Power Services vẫn phải ứng vốn thanh toán thuế cho các đơn hàng (có giá trị thuế nhập khẩu và VAT dưới 20 tỷ) theo Phụ lục Hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký với PV Power, nhưng PV Power Services vẫn hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận đặt ra, đây là một nỗ lực rất lớn của Ban Lãnh đạo PV Power Services.

b. Những tiến bộ đã đạt được

- Từ năm 2014, Công ty đã chuẩn bị các công việc cho thành lập Chi nhánh Hà Tĩnh để đảm nhiệm việc bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy điện Vũng Áng 1. Đến nay, Công ty đã chính thức được giao thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Vũng Áng 1;
- Đàm phán và ký thành công Hợp đồng bảo trì, sửa chữa thường xuyên Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2015, làm cơ sở để tiếp nhận chính thức công tác dịch vụ sửa chữa, bảo trì dài hạn Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1;
- Năm 2015 đã tổ chức được các khóa đào tạo đúng chuyên môn đặc biệt là đào tạo tại chỗ, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ công việc của Công ty, đa số các khóa học được đánh giá cao, trang bị thêm kiến thức cũng như những kỹ năng làm việc cần thiết cho CBCNV Công ty và đặc biệt là đã dần thay thế được các công việc mà trước kia phải nhờ đến chuyên gia nước ngoài.

c. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chỉnh sách quản lý

- Công ty đã thực hiện việc rà soát lại toàn bộ các qui trình/qui chế/qui định hiện đang áp dụng để có chỉnh sửa bổ sung cần thiết để đảm bảo phù hợp với qui định của Pháp luật. Sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với thực tế hoạt động của PV Power Services, đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Công ty đã thực hiện lộ trình kiện toàn công tác tổ chức cán bộ, đổi mới công tác quản lý, công tác điều hành cho phù hợp với mô hình doanh nghiệp. Công tác tổ chức nhân sự của Công ty tiếp tục được củng cố, chất lượng cán bộ từng bước được nâng cao. Công tác tuyển dụng, đào tạo, luân chuyển, điều động và

bổ nhiệm cán bộ đảm bảo đúng nguyên tắc, qui định của Đảng và yêu cầu của Tập đoàn, của Tổng Công ty.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình sử dụng tài sản, công nợ (xem *Biểu 4*)
- Giá trị ròng của Doanh nghiệp tại 31/12/2015: **193.714.980.234 đ**
- Số lượng cổ phần hiện hữu: 15.000.000 Cổ phần
- Giá trị ghi sổ của cổ phiếu tại 31/12/2015: **12.914 đ/Cổ phần**
- Tình đến thời điểm hiện tại, PV Power Services không phát sinh nợ xấu

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Với chiến lược, mục tiêu nâng cao tỉ lệ nội địa hóa trong công tác bảo dưỡng nhà máy điện, dần dần cắt giảm phạm vi công việc của các Nhà thầu phụ nước ngoài trong các Hợp đồng đã ký nhằm gia tăng lợi nhuận và nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động của Công ty, trong những năm tiếp theo, Công ty sẽ liên tục cải tiến bộ máy tổ chức, tăng cường công tác đào tạo chuyên sâu, tìm kiếm đối tác chiến lược để dần thay thế phạm vi công việc hiện nhà thầu phụ đang thực hiện.

- Tham gia thực hiện các công trình bảo trì, bảo dưỡng cho các nhà máy điện ngoài ngành, các nhà máy công nghiệp, các công trình biển.
- Cung cấp nguồn nhân lực cho các nhà thầu trong và ngoài nước. Đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao của PV Power Services.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá chung

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2015 thông qua;
- Các tiêu chí bảo toàn vốn, hiệu suất sử dụng vốn đều vượt so với năm 2014;

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

2.1. Về thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, bám sát kế hoạch được giao, cụ thể:
 - + Doanh thu đạt: 200 % kế hoạch được giao
 - + Lợi nhuận đạt: 100 % kế hoạch được giao
 - + Hệ số bảo toàn vốn: >1

- Công tác đầu tư, mua sắm tuân thủ theo “Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đầu thầu” do Hội đồng Quản trị ban hành;
- Thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.

2.2. Về công tác quản lý điều hành

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2015;
 - Thiết lập bộ máy chuẩn bị sản xuất tại Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, thành lập Chi nhánh Công ty tại Hà Tĩnh triển khai công tác bảo trì bảo dưỡng dài hạn Nhà máy điện Vũng Áng 1;
 - Thành lập Phòng chức năng phụ trách công tác an toàn lao động trong toàn Công ty;
 - Triển khai thực hiện lộ trình nội địa hóa trong công tác sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện, tiến hành đàm phán với Nhà thầu OEM theo hướng rút gọn khối lượng thực hiện của Nhà thầu OEM, gia tăng phạm vi tự thực hiện của Công ty;
 - Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản pháp lý trong công tác quản lý để hiệu chỉnh, cập nhật thông tin quản lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty qua từng thời kỳ;
 - Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, sắp xếp nhân lực theo đúng chức danh, công việc, đánh giá hiệu quả công việc để áp dụng mức lương tương ứng. Phân công, phân cấp quản lý trong ban lãnh đạo theo từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chi tiêu, quản lý sản xuất tại các Chi nhánh. Tuân thủ Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật;
- ### **3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị**
- Chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban Giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất;
 - HĐQT tiếp tục chỉ đạo triển khai và đẩy nhanh tiến độ thực hiện tái cơ cấu tổ chức công ty phù hợp với chỉ đạo của PV Power và PVN. Chỉ đạo thực hiện việc thoái vốn đầu tư tại PAIC;

- Thành lập Chi nhánh PV Power Services tại Hà Tĩnh là cơ sở sản xuất trực tiếp triển khai thực hiện bảo trì, sửa chữa Nhà máy điện Vũng Áng 1, tạo nền tảng vững chắc tiếp cận thị trường khu vực miền Trung;
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban giám đốc Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông công ty;
- Tôi đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động;
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên, cơ cấu Hội đồng Quản trị

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ trong HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác
1	Ông Phan Ngọc Hiến	Chủ tịch HĐQT (Thay thế bà Cao Thị Liên từ ngày 08/9/2015)	15% (Từ ngày 07/9/2015)	Chánh văn phòng Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- PV Power đến ngày 07/9/2015
2	Bà Cao Thị Liên	Thành viên HĐQT (từ ngày 08/9/2015)	12% Từ ngày 07/9/2015 Bà Cao Thị Liên nắm giữ 12%	Không
3	Ông Phan Đại Thành	Thành viên HĐQT	12%	Trưởng ban Kỹ thuật PV Power (Từ ngày 07/9/2015)
4	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm GD Công ty (Thay thế ông Phan Đại Thành là Giám đốc từ ngày 15/10/2015)	12%	Trưởng ban Kỹ thuật PV Power đến ngày 15/10/2015

5	Ông Lê Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	12% đến ngày 07/9/2016	Trưởng ban Thương mại PV Power
6	Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT (ĐHĐCĐ miễn nhiệm ngày 07/9/2015)	Thành viên HĐQT độc lập	Phó tổng Giám đốc Công ty CP Viland
7	Ông Ngô Kim Sơn	Thành viên HĐQT (ĐHĐCĐ bầu ngày 07/9/2015)	Thành viên HĐQT độc lập	Trưởng phòng Kinh doanh-Công ty TNHH Tập đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long

b. Các tiêu ban Hội đồng Quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

HDQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HDQT.

Định kỳ hàng tháng và bất thường, Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT chuyên trách đã thay mặt HDQT tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, các Trưởng phòng chức năng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ triển khai các dự án, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

Trong những trường hợp phát sinh các vấn đề trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền HĐQT/ĐHĐCĐ, trên cơ sở các tờ trình của Giám đốc Công ty, Chủ tịch HĐQT chỉ đạo lấy ý kiến các ủy viên/cổ đông bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết ĐHCĐ/HĐQT kịp thời.

Trong năm 2015 HĐQT đã thực hiện việc giám sát các hoạt động:

- Đánh giá kết quả thực hiện KHSXKD năm 2015 và xác định mục tiêu cụ thể cho từng tháng, Quý cho năm 2015.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 15/4/2015 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 vào ngày 07/9/2015.
- Xem xét phương án sản xuất kinh doanh của Công ty từng Quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2015.
- Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà

máy điện kết hợp với Quản lý tài chính, Quản lý vật tư, nguồn nhân lực,... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Giao cho Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp tốt với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ và đã tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2015.

- HDDQT đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát.

Số lượng cuộc họp HDDQT: 08 cuộc họp

❖ Cuộc họp ngày 30/6/2015

Nội dung:

- Rà soát việc thực hiện NQ cuộc họp HDDQT Quý IV/2014, cụ thể:
 - + Báo cáo việc xây dựng đơn giá định mức sửa chữa định kỳ.
 - + Báo cáo về kết quả làm việc với Chủ đầu tư về việc chuyển đổi hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện Cà Mau và Nhơn Trạch 2.
 - + Báo cáo công tác hoàn thiện các quy trình, quy định, định mức bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Vũng Áng 1 đảm bảo hiệu quả và an toàn cho sản xuất.
 - + Xây dựng hoàn thiện các sáng kiến cải tiến kỹ thuật: (i) Báo cáo tình hình làm việc với Chủ Đầu tư để có cơ chế chính sách khen thưởng đối với các sáng kiến cải tiến kỹ thuật cả PV Power Services và chủ đầu tư cùng tham gia (ii) Khuyến khích và có quy chế thưởng cho sáng kiến cải tiến kỹ thuật cấp cơ sở.
 - + Công tác triển khai bảo dưỡng sửa chữa NIMD Vũng Áng 1: (i) báo cáo việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Hà Tĩnh (ii) báo cáo việc ký hợp đồng, công tác tổ chức, bổ nhiệm nhân sự của Chi nhánh Hà Tĩnh
 - + Báo cáo việc xây dựng dự toán thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện năm 2015: Đại tu NIMD Cà Mau 2, thanh tra tổ máy ST18 NIMD Nhơn Trạch 1.
 - + Báo cáo công tác đầu tư mua sắm trang thiết bị công cụ dụng cụ đáp ứng cho việc bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện Vũng Áng 1 năm 2015: khẩn trương trình HDDQT phê duyệt dự toán trên cơ sở danh mục đã được thông qua tại Nghị quyết số 09/NQ/HDDQT-DVKT ngày 19/01/2015 của Hội đồng quản trị Công ty.

- + Đối với phương án kinh doanh cung cấp vật tư phụ tùng cho 2 năm vận hành NMD Vũng Áng và cung cấp máy phát điện gián khoan Dầu khí Tam Đảo 05 cho Công ty CP chế tạo giàn khoan Dầu khí: Để có cơ sở phê duyệt phương án kinh doanh do BGD Công ty trình, đề nghị BGD Công ty hoàn thiện phương án kinh doanh sau khi xem xét đầy đủ nghĩa vụ thuế (như thuế nhà thầu..) và các chi phí phát sinh của việc giao hàng chậm với Chủ đầu tư/ Nhà thầu phụ.
 - + Báo cáo chi tiết phân tích việc cân đối sử dụng nguồn vốn trình Hội đồng quản trị xem xét.
 - + Xây dựng kế hoạch tiết giảm chi phí năm 2015 để đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận được giao.
 - Báo cáo kết quả thực hiện SXKD quý I năm 2015, trong đó tập trung:
 - + Công tác thu hồi vốn;
 - + Công tác hoàn thuế;
 - + Công tác mua sắm;
 - + Công tác hoàn thiện quy chế, đặc biệt là quy chế lương.
 - Thực hiện các công việc liên quan đến Hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa NMD Vũng Áng 1 đến thời điểm hiện tại:
 - + Tổ chức làm việc với Nhà thầu cung cấp thiết bị chính của NMD Vũng Áng 1 phục vụ cho hoạt động bảo dưỡng sửa chữa NMD Vũng Áng 1;
 - + Công tác chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất để tiếp nhận vận hành Tổ máy số 2 Nhà máy điện Vũng Áng 1;
 - + Tiếp tục bám sát, đôn đốc Chủ đầu tư hoàn thiện các thủ tục để ký kết Hợp đồng chính thức về việc bảo dưỡng sửa chữa NMD Vũng Áng 1;
 - + Xây dựng chi phí bảo trì sửa chữa NMD Vũng Áng 1 theo yêu cầu tài công văn số 69/CV-HDQT-DVKT ngày 24/3/2015.
- Kết quả: Hội đồng Quản trị đã thông qua các nội dung sau:**
- + Báo cáo việc xây dựng đơn giá định mức sửa chữa định kỳ.
 - + Báo cáo về kết quả làm việc với Chủ đầu tư về việc chuyển đổi hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện Cà Mau và Nhơn Trạch 2.
 - + Báo cáo Xây dựng hoàn thiện các sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
 - + Phương án kinh doanh cung cấp vật tư phụ tùng cho 2 năm vận hành NMD Vũng Áng và cung cấp máy phát điện gián khoan Dầu khí Tam Đảo 05 cho Công ty CP chế tạo giàn khoan Dầu khí.
 - + Báo cáo phân tích cân đối sử dụng nguồn vốn

- + Kế hoạch tiết giảm chi phí năm 2015.
- + Báo cáo kết quả thực hiện SXKD quý I năm 2015.
- + Quyết toán quý tiền lương 2014 và kế hoạch tiền lương năm 2015.
- + Miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty PAIC.

❖ **Cuộc họp ngày 03/08/2015**

Nội dung:

Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017.

Kết quả: Hội đồng Quản trị đã thông qua các nội dung sau:

HDQT thông nhất triệu tập DHDCCD bất thường vào ngày 07/9/2015 với các nội dung sau:

- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Lê Ngọc Sơn.
- Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông Nguyễn Mạnh Hiếu.
- Giới thiệu ông Phan Ngọc Hiền tham gia Hội đồng Quản trị công ty PV Power Services theo đề cử của cổ đông lớn - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Giới thiệu bà Nguyễn Thị Hoàng Hảo tham gia Ban Kiểm soát PV Power Services theo đề cử của cổ đông lớn - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Sửa đổi một số nội dung trong Điều lệ Công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

❖ **Cuộc họp ngày 28/8/2015**

Nội dung:

- Thay đổi thành viên HĐQT độc lập.
- Nội dung sửa đổi điều lệ PV Power Services trình DHDCCD bất thường năm 2015 để biểu quyết thông qua.

Kết quả: Hội đồng quản trị đã thông qua các nội dung sau:

- Giới thiệu, tiến cử ông Ngô Kim Sơn tới Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung/thay thế vào Hội đồng Quản trị Công ty với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập nhiệm kỳ năm 2012-2017 thay thế cho bà Trần Thị Thu Trang.
- Thống nhất nội dung về sửa đổi điều lệ PV Power Services trình DHDCCD bất thường năm 2015 để biểu quyết thông qua.

❖ **Cuộc họp ngày 07/9/2015**

Nội dung:

Thay đổi Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu Khí Việt Nam - PV Power Services nhiệm kỳ 2012-2017.

Kết quả: Hội đồng quản trị đã thông qua các nội dung sau:

- Đồng ý đề Bà Cao Thị Liên thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty (theo nguyên vọng cá nhân) và tiếp tục tham gia thành viên Hội đồng Quản trị Công ty.
- Nhất trí bầu Ông Phan Ngọc Hiền giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty kể từ ngày 08/09/2015 đến hết nhiệm kỳ 2012-2017 của Hội đồng Quản trị Công ty.

❖ **Cuộc họp ngày 28/9/2015**

Nội dung:

- Rà soát việc thực hiện NQ cuộc họp HĐQT Quý I/2015
- + Chuyển đổi Hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện (NMD) Cà Mau và Nhóm Trach 2.
- + Quy chế quản lý kinh doanh ngoài nhiệm vụ bảo dưỡng sửa chữa NMD của PV Power: Xây dựng cơ chế phạt trong trường hợp không đạt mức lợi nhuận được giao theo qui chế.
- + Rà soát các qui chế nội bộ.
- + Công tác triển khai bảo dưỡng Nhà máy điện Vũng Áng 1:
 - (i) Về workshop
 - (ii) Về phạm vi công việc
 - (iii) Về Xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2015 của Chi nhánh Hà Tĩnh và định biên lao động
- Báo cáo việc khắc phục các tồn tại trong SXKD 2014 và 6 tháng đầu năm 2015:
 - + Về công tác Kế hoạch
 - + Về công tác Thương mại
 - + Về công tác Kỹ thuật
 - + Về công tác Tài chính kế toán
 - + Về công tác Tổ chức lao động tiền lương
- Các nội dung khác
 - + Báo cáo việc lập dự toán và kế hoạch đấu thầu mua sắm thiết bị công cụ dụng cụ Nhà máy điện Vũng Áng 1.
 - + Báo cáo thực hiện các hợp đồng dịch vụ ngoài

- + Đầu tư văn phòng Chi nhánh Cà Mau
- + Phê duyệt phương án thanh toán chi phí nhân công cho nhân sự tham gia thực hiện công trình ngoài cho Siemens năm 2015.

Kết quả: Hội đồng Quản trị đã thông qua các nội dung sau:

Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2015.

❖ **Cuộc họp ngày 15/10/2015**

Nội dung:

Thay đổi Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu Khí Việt Nam – PV Power Services.

Kết quả: Hội đồng Quản trị đã thông qua các nội dung sau:

- Thông qua việc Ông Phan Đại Thành thôi giữ chức Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu Khí Việt Nam và tiếp tục tham gia thành viên Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 15/10/2015.
- Thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Minh Tuấn giữ chức Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu Khí Việt Nam với nhiệm kỳ là 05 năm, kể từ ngày 15/10/2015.

❖ **Cuộc họp ngày 20/11/2015**

Nội dung:

- Rà soát việc thực hiện Nghị quyết họp Hội đồng quản trị Quý II/2015,
- + Chuyển đổi hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện Cà Mau 1 & 2 và Nhóm Trach 2
- + Quy chế quản lý kinh doanh ngoài nhiệm vụ bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện của PV Power.
- + Công tác triển khai bảo dưỡng Nhà máy điện Vũng Áng 1: Về quy trình phối hợp công việc chi tiết giữa Công ty Điện Lực Dầu Khí Hà Tĩnh và Chi nhánh Hà Tĩnh; Giao Ban Giám đốc rà soát, hoàn chỉnh quy trình phối hợp và phân chia phạm vi công việc chi tiết với Chủ Đầu tư.
- + Báo cáo việc khắc phục các tồn tại trong SXKD 2014 và 6 tháng đầu năm 2015:
 - (i) Rà soát, cập nhật, sửa đổi Quy trình Quản lý kế hoạch và Chế độ báo cáo phù hợp với tình hình thực tế điều hành sản xuất của đơn vị;
 - (ii) Ban hành Quy trình mua sắm trên cơ sở vận dụng Luật đấu thầu mới để giúp việc triển khai thủ tục mua sắm nhanh chóng và hiệu quả;

(iii) Báo cáo kết quả thực hiện, công tác đào tạo nhân sự của Công ty trong việc thay thế nhân sự nhà thầu ngoại;

(iv) Xây dựng kế hoạch sắp xếp lao động dựa vào nhu cầu lao động của từng Chi nhánh/phòng/phần xưởng và kết quả đánh giá lao động để sắp xếp lao động khoa học, phát huy hết khả năng của người lao động, trong đó cần giảm số lao động khởi gián tiếp và tăng cường lao động khởi trực tiếp sản xuất;

(v) Xây dựng Chương trình đào tạo cho cán bộ thực hiện đào tạo Training onl job tại các chi nhánh.

+ Phương án về văn phòng làm việc tại Chi nhánh Cà Mau

+ Báo cáo việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ ngoài do Công ty thực hiện.

(i) Đề nghị Ban Giám đốc khẩn trương làm việc với Lilama để ký phụ lục hợp đồng về việc điều chỉnh tiến độ giao hàng theo thực tế nhằm khẳng định việc PVPS-IBS giao hàng chậm không bị Lilama phạt;

(ii) Đề nghị Ban Giám đốc có báo cáo phân tích cụ thể phần chi phí phát sinh do tỷ giá thay đổi đối với phần đã thanh toán và phần dự kiến thanh toán.

- Báo cáo kết quả SXKD quý III/2015.

- Kế hoạch SXKD năm 2016.

- Báo cáo việc thực hiện Đại tu NMD Cà Mau 2

- Báo cáo việc thực hiện thanh tra B tổ máy GT12 và ST18 Nhà máy điện Nhơn Trạch 1

- Báo cáo công tác chuẩn bị tiêu tu Nhà máy điện Vũng Áng 1.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển của Công ty.

- Các nội dung khác:

+ Kế hoạch triển khai công tác đào tạo 2 tháng cuối năm và kế hoạch đào tạo 2016;

+ Báo cáo việc triển khai các gói thầu mua sắm công cụ dụng cụ cho Nhà máy điện Cà Mau, Nhơn Trạch, Vũng Áng;

- Báo cáo các vướng mắc trong quá trình điều hành của Giám đốc (nếu có).

Kết quả: Hội đồng quản trị đã thông qua các nội dung sau:

- Thông qua báo cáo về việc chuyển đổi hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 2.

- Thông qua các nội dung sửa đổi quy chế quản lý kinh doanh ngoài nhiệm vụ bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam như sau:

- + Quy định về dịch vụ cung cấp nhân công: Mức lợi nhuận tối thiểu đạt được là 5% tổng giá trị dịch vụ được giao trước thuế VAT;
- + Khen thưởng: Không áp dụng chế độ khen thưởng;
- + Kỳ luật: Hợp đồng không đạt lợi nhuận theo phương án kinh doanh đã phê duyệt thì Lãnh đạo đơn vị được giao nhiệm vụ, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ sẽ bị xử lý kỷ luật như quy định tại Quy chế thi đua khen thưởng và kỷ luật của Công ty;
- + Các nội dung đề xuất sửa đổi khác, Hội đồng Quản trị nhất trí thông qua theo nội dung của Giám đốc Công ty.
- Công tác triển khai bảo dưỡng Nhà máy điện Vũng Áng 1.
- Phương án về văn phòng làm việc tại Chi nhánh Cà Mau.
- Báo cáo kết quả SXKD quý III/2015.
- Báo cáo việc thực hiện Đại tu NMD Cà Mau 2.
- Báo cáo việc thực hiện thanh tra B tổ máy GT12 và ST18 Nhà máy điện Nhơn Trạch 1.
- Thông qua kế hoạch đào tạo 2 tháng cuối năm 2015.
- Báo cáo công tác chuẩn bị tiêu tu Nhà máy điện Vũng Áng 1.
- Thông qua chủ trương xây dựng xưởng gia công, phục hồi, chế tạo thiết bị phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện.
- Thông qua chủ trương điều chỉnh mức phân cấp cho các Chi nhánh từ 200 triệu đồng lên 1 tỷ đồng trong quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đầu tư.

❖ **Cuộc họp ngày 27/01/2016**

Nội dung

- Rà soát việc thực hiện Nghị quyết quý III/2015, cụ thể:
- + Rà soát các qui chế, quy định nội bộ.
- + Công tác triển khai bảo dưỡng Nhà máy điện Vũng Áng 1.
- + Rà soát, sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển của Công ty.
- + Báo cáo công tác đào tạo:

(i) Báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo nhân sự của Công ty trong việc thay thế nhân sự nhà thầu ngoại.

(ii) Xây dựng Chương trình đào tạo cho cán bộ thực hiện đào tạo training on job tại các Chi nhánh.

+ Báo cáo việc xây dựng đề án đầu tư xưởng gia công, phục hồi, chế tạo thiết bị phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện trình HDQT thông qua và đưa vào kế hoạch SXKD năm 2016 trình HDQT phê duyệt.

- Báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2015.

- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2016.

- Báo cáo việc thực hiện công tác mua sắm công cụ dụng cụ phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện.

- Một số nội dung quan trọng khác:

+ Phê duyệt quy chế quản lý kinh doanh ngoài nhiệm vụ bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện của PV Power;

+ Phê duyệt quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đầu thầu sửa đổi;

+ Phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty;

+ Phê duyệt quy chế quản trị Công ty;

+ Thông qua quy trình công bố thông tin;

+ Phê duyệt quy chế lương sửa đổi cho CBCNV Công ty;

+ Phê duyệt quy chế thưởng vận hành an toàn;

+ Thông qua quy trình quản lý vật tư;

+ Công tác chuẩn bị sản xuất Nhà máy điện Thái Bình 2;

+ Kế hoạch tham gia công tác sửa chữa định kỳ các Nhà máy thủy điện Hòa Na, Dakrinh;

+ Phương án thay đổi trang phục bảo hộ lao động của Công ty;

+ Xây dựng phương án mua bảo hiểm nhân thọ cho CBCNV Công ty.

Kết quả: Hội đồng Quản trị đã thông qua các nội dung

+ Phê duyệt quy chế quản lý kinh doanh ngoài nhiệm vụ bảo dưỡng sửa chữa (BDSC) nhà máy điện (NMD) của PV Power.

+ Phê duyệt quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đầu thầu sửa đổi.

+ Thông qua quy trình công bố thông tin.

+ Phê duyệt quy chế thưởng vận hành an toàn.

+ Thông qua báo cáo xây dựng đề án đầu tư xưởng gia công, phục hồi, chế tạo thiết bị phục vụ công tác BDSC các Nhà máy điện, nhất trí chủ trương đầu tư trang bị máy phục hồi các con lăn và máy cân bằng động phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện.

+ Thông qua báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2015.

- + Thông qua báo cáo việc thực hiện công tác mua sắm CCDC phục vụ công tác BDSC các NMD.
- + Thông qua báo cáo về công tác chuẩn bị sản xuất dự án NMD Thái Bình 2.
- + Thông qua chủ trương thay đổi màu sắc trang phục bảo hộ lao động của CBCNV.
- + Kiện toàn hội đồng thi đua khen thưởng: Bổ sung một thành viên Hội đồng Quản trị vào Hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành

- Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 được tổ chức ngày 7/9/2015 tại trụ sở PV Power Services, Đại hội đồng cổ đông đã bỏ phiếu miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị Trần Thị Thu Trang – Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Viland và bầu Ông Ngô Kim Sơn là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành;
- Trong năm 2015, Ông Ngô Kim Sơn đã thực hiện đầy đủ các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT. Ông Sơn đã cùng với các thành viên HĐQT PV Power Services đưa ra các quyết sách để điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

e. Hoạt động của các tiêu ban Hội đồng Quản trị: Không có

f. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Ông Phan Ngọc Hiến: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

4. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Tỷ lệ nắm giữ Cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Lê Quốc Vinh	Trưởng BKS	0%
2	Ông Trần Thắng	Kiểm soát viên	0%
3	Bà Nguyễn Thị Hoàng Hào (Kể từ ngày 07/9/2015 thay ông Nguyễn Mạnh Hiếu)	Kiểm soát viên	0%

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính (Luật Doanh nghiệp)
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị (Luật Doanh nghiệp)
- Đánh giá việc thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, cơ quan chức năng có thẩm quyền tại đơn vị
- Đánh giá việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định, Chi thị của Tổng Công ty, của Người đại diện Tổng Công ty tại doanh nghiệp
- Đánh giá việc ban hành và thực hiện các Quy chế, Quy định nội bộ của HĐQT và của Ban Điều hành doanh nghiệp

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2014 thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty; Ban Kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, Chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo. Ban Kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Những hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, các hoạt động của Ban Kiểm soát chỉ dựa trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

c. Các kỳ họp

- Kỳ họp định kỳ tháng: đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trên cơ sở số các Báo cáo kế hoạch tháng;
 - Kỳ họp định kỳ quý:
 - + Thẩm định báo cáo tài chính quý;
 - + Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
 - + Giám sát việc thực hiện quy chế, quy định nội bộ;

- Kỳ họp bán niên/cuối năm:
 - + Thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động tại các Chi nhánh thuộc Công ty;
 - + Thẩm định báo cáo tài chính bán niên/cả năm;
 - + Đánh giá tình hình quản trị, cơ cấu tổ chức, lao động....
 - + Giám sát việc thực hiện, xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra chức năng tại Công ty.
- Thực hiện kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

d. Kết quả kiểm soát:

- Đưa ra các kiến nghị điều chỉnh, xử lý các vấn đề không phù hợp trong công tác quản lý điều hành;
- Đề xuất áp dụng, vận dụng các văn bản pháp luật, cơ sở pháp lý đảm bảo điều chỉnh phù hợp với hoạt động thực tế tại Công ty;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát tại đơn vị.

5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

5.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

5.1.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, thành viên HĐQT chuyên trách, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số lương		Đơn giá tiền lương		Phụ cấp chức vụ	Ăn ca
			Cơ bản	Chức danh	Cơ bản	Chức danh		
1	Ô. Phan Ngọc Hiền	Chủ tịch HĐQT	6.97	33.00	1,150,000	1,000,000		680,000
2	B. Cao thị Liên	Thành viên HĐQT	6.31	32.00	1,150,000	1,000,000		680,000
3	Ô. Lê Quốc Vinh	Trưởng BKS	5.98	24.00	1,150,000	1,000,000		680,000
4	Ô. Nguyễn M. Tuấn	Giám đốc	6.64	33.00	1,150,000	1,000,000		680,000
5	Ô. Bùi Duy Nhi	P. Giám đốc	6.31	29.00	1,150,000	1,000,000		680,000
6	Ô. Võ Khánh	P. Giám đốc	5.98	29.00	1,150,000	1,000,000		680,000
7	Ô. Mã Ngọc Kỳ	P. Giám đốc	6.31	32.00	1,150,000	1,000,000		680,000
8	Ô. Vũ Quang Dũng	P. Giám đốc	6.31	29.00	1,150,000	1,000,000		680,000
9	Ô. Đinh Q. Hưng	P. Giám đốc	5.98	26.00	1,150,000	1,000,000		680,000
10	Ô. Lê Đình Thái	Kế toán trưởng	5.65	21.00	1,150,000	1,000,000		680,000
11	Ô. Hoàng Hà	Trưởng p.TH	4.33	18.00	1,150,000	1,000,000	2,489,750	680,000
12	B. Đặng V. Thủy	Trưởng p. KTKH	3.27	18.00	1,150,000	1,000,000	1,880,250	680,000
13	Ô. Ninh B. Hưng	Trưởng p. K thuật	4.00	18.00	1,150,000	1,000,000	2,300,000	680,000
14	Ô. Nguyễn Thế Nobiem	Trưởng p. ATMT	4.20	16.00	1,150,000	1,000,000	2,415,000	680,000

Mức chi trả thực tế được đánh giá trên mức độ hoàn thành công việc theo từng bộ phận quản lý, theo đó:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mức A1 (tốt): hệ số 1,5
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ mức A2 (hoàn thành): hệ số 1,3
- + Hoàn thành nhiệm vụ mức A3: hệ số 1,0
- + Không hoàn thành nhiệm vụ mức A4: hệ số 0,7.

5.1.2. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/ tháng
1	Ông Phan Đại Thành	Thành viên HĐQT	3.000.000
2	Ông Ngô Kim Sơn	Thành viên HĐQT	3.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Hoàng Hào	Thành viên BKS	2.000.000
4	Ông Trần Thắng	Thành viên BKS	2.000.000

5.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có

5.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

5.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Tuân thủ tuyệt đối Quy chế quản trị Công ty

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**
- Ý kiến kiểm toán độc lập



Số: **474** /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Ban thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 05 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Biên bản kiểm toán kỳ ngày 01 tháng 10 năm 2015, Công ty đã điều chỉnh hỏi tố một số số liệu so sánh của báo cáo tài chính (số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã kỳ ngày 17 tháng 3 năm 2015).

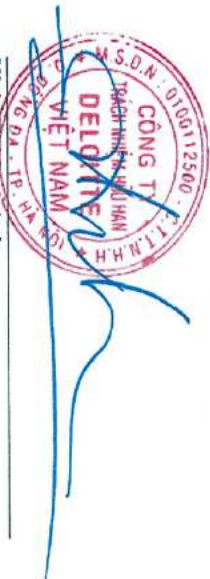
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 09 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm khoản phải thu Siemens Aktiengesellschaft liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu mà Công ty phải nộp thay cho nhà thầu nước ngoài Siemens Aktiengesellschaft cho giai đoạn từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 11 năm 2014 là khoảng 80,9 tỷ VND (theo Quyết định số 60944/KL-CT-KTT2 ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hà Nội) và cho giai đoạn từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 12 năm 2015 là khoảng 6,7 tỷ VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng số thuế nêu trên sẽ được Siemens Aktiengesellschaft thanh toán lại cho Công ty theo điều khoản của hợp đồng đã ký giữa các bên.

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả người bán của Công ty bao gồm khoảng 2.487 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.878 tỷ VND) liên quan đến giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ công tác bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2). Theo xác định của Công ty, giá trị hàng tồn kho và công nợ phải trả nêu trên sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp vật tư, thiết bị. Bên cạnh đó, như trình bày tại Thuyết minh số 23 và Thuyết minh số 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, ngoài phần dịch vụ tự thực hiện, Công ty cũng đang ghi nhận doanh thu và giá vốn liên quan đến dịch vụ từ nhà thầu phụ OEM và hàng thực thanh, thực chi mà Công ty nhận từ các nhà máy điện sau đó chuyển trả các nhà thầu.

Y kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



TRÁCH NHIỆM KẾ TOÁN
CÔNG TY TNHH DELOITTE
VIỆT NAM
HÀ NỘI, TP. HÀ NỘI

Khúc Thị Đan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1924-2013-001-1



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÀU SỐ B-01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		31/12/2014	
					(Trình bày lại)	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.385.697.513.902	3.380.266.115.917		
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	284.597.471.153	66.012.309.533		
1. Tiền	111		244.597.471.153	13.863.536.716		
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	52.148.772.817		
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		467.475.894.713	210.775.759.223		
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	369.919.676.679	204.854.519.679		
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	7.135.693.239	4.773.088.057		
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	90.420.524.795	1.148.151.587		
III. Hàng tồn kho	140	10	2.539.486.328.900	2.879.676.968.864		
1. Hàng tồn kho	141		2.539.486.328.900	2.879.676.968.864		
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		94.137.819.136	223.801.078.197		
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	5.075.210		
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11	92.669.761.560	223.796.002.987		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.468.057.576	-		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.795.753.148	47.016.671.542		
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		215.860.000	205.360.000		
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	215.860.000	205.360.000		
II. Tài sản cố định	220		21.902.588.392	13.399.108.215		
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	21.804.669.037	13.262.188.860		
- Nguyên giá	222		41.711.054.906	28.903.483.644		
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.906.385.869)	(15.641.294.784)		
2. Tài sản cố định vô hình	227		97.919.355	136.919.355		
- Nguyên giá	228		348.117.750	348.117.750		
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(250.198.395)	(211.198.395)		
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		200.519.442	200.519.442		
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		200.519.442	200.519.442		
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	4.876.952.021	4.558.574.907		
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.040.000.000	5.040.000.000		
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(163.047.979)	(481.425.093)		
V. Tài sản dài hạn khác	260		30.599.833.293	28.653.108.978		
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	30.599.833.293	28.653.108.978		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.443.493.267.050	3.427.282.787.459		



Các thuế minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	31/12/2015	31/12/2014
		minh		
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.249.778.286.816	3.246.270.972.567
I. Nợ ngắn hạn	310		3.247.278.286.816	3.246.270.972.567
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.984.562.926.679	2.962.881.959.220
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		145.388.567.654	247.776.898.265
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		5.907.569.024	5.554.117.457
4. Phải trả người lao động	314		30.915.018.591	12.202.618.963
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.951.316.799	550.680.273
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		5.923.179.371	15.090.376.778
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		69.628.648.065	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.001.060.633	2.214.321.611
II. Nợ dài hạn	330		2.500.000.000	-
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.500.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		193.714.980.234	181.011.814.892
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	193.714.980.234	181.011.814.892
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.303.102.810	12.857.749.788
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.411.877.424	18.154.065.104
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.553.909.060	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		24.857.968.364	18.154.065.104
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.443.493.267.050	3.427.282.787.459



Nguyễn Thị Mai Hoa
 Người lập biểu

Lê Đình Thái
 Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuấn
 Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Các thành viên từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh		2015	2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23		1.279.450.306.053	1.194.292.551.091
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24		1.198.573.710.008	1.121.658.677.224
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=01-11)	20			80.876.596.045	72.633.873.867
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25		1.399.396.444	4.874.097.733
5. Chi phí tài chính	22	26		2.816.077.457	246.348
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			3.106.014.994	-
6. Chi phí bán hàng	25			16.900.818	80.919.148
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26			47.920.582.035	39.426.948.332
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-(21-22)-(25+26))	30			31.522.432.179	37.999.857.772
9. Thu nhập khác	31			440.888.694	96.670.103
10. Chi phí khác	32			14.096.452	169.974.236
11. Lợi nhuận (Lỗ) khác (40=31-32)	40			426.792.242	(73.304.133)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50			31.949.224.421	37.926.553.639
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28		7.091.256.057	8.388.687.957
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60			24.857.968.364	29.537.865.682
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29		1.657	1.806

Nguyễn Thị Mai Hoa
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU Mã số 2015 2014 (Trình bày lại)

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		2015	2014
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.949.224.421	37.976.553.639
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.365.562.057	4.132.543.363
Các khoản dự phòng	03	(318.377.114)	(157.109.733)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.051.290.759)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(998.703.837)	(3.665.697.241)
Chi phí lãi vay	06	3.106.014.994	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	39.103.720.521	37.184.999.269
(Tăng) các khoản phải thu	09	(127.052.451.539)	(169.349.654.464)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	340.190.639.964	(1.342.742.698.170)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(61.185.858.859)	1.464.327.849.606
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.941.649.105)	1.282.042.521
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.943.700.239)	(7.257.506.032)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.663.029.620)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	179.507.671.123	(16.554.967.270)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.294.632.234)	(3.209.437.442)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	998.703.837	3.809.045.086
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.295.928.397)	599.607.644
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	121.521.374.974	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(51.892.726.909)	-
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(19.255.229.171)	(18.709.036.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	50.373.418.894	(18.709.036.175)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	218.585.161.620	(34.664.395.801)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	66.012.309.533	100.676.705.334
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	284.597.471.153	66.012.309.533

Nguyễn Thị Mai Hoa
 Người lập biểu

Lê Đình Thái
 Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 3 năm 2016



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021005 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVPower”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 572 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 288).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là dịch vụ vận hành nhà máy điện; Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan; Kinh doanh vật tư máy móc; Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyên giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, nâng lượng tải tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác; Đại lý kinh doanh viễn thông; Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm thí nghiệm điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MÀU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

Như trình bày tại Thuyết minh số 05, sau khi phát hành báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty kỳ ngày 17 tháng 3 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã nhận được Biên bản kiểm toán kỳ ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Công ty phải điều chỉnh số kế toán và báo cáo tài chính năm 2014 đã phát hành trước đây qua kiểm toán. Do đó, Ban Giám đốc Công ty xác định báo cáo tài chính năm 2014 đã phát hành trước đây cần được điều chỉnh cho phù hợp với kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Do đó, số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã kỳ ngày 17 tháng 3 năm 2015 sau khi được điều chỉnh hội tố theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Biên bản kiểm toán kỳ ngày 01 tháng 10 năm 2015 và phần loại lại theo Thông tư 200.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tài ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tài ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, để dâng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÒM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý (gọi chung là "phần mềm"), được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Tòa nhà H13, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ SỔ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Quyết phát triển khoa học và công nghệ

Quyết phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quyết được hình thành trên cơ sở trích lập từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014 ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH

Sau khi phát hành báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty kỳ ngày 17 tháng 3 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã nhận được Biên bản kiểm toán ký ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Công ty phải điều chỉnh số kế toán và báo cáo tài chính năm 2014 theo kết quả kiểm toán. Do đó, Ban Giám đốc Công ty xác định báo cáo tài chính năm 2014 đã phát hành trước đây cần được điều chỉnh cho phù hợp với kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Tổng ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh hồi tố làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2014 tăng 6.518.378 VND và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2014 tăng 1.434.043.333 VND.

1250q
NG T
HỆM H
01T
T M
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBảo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÀU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014 ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH (Tiếp theo)**

Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố, cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	31/12/2014		Điều chỉnh		31/12/2014	
	(Trước điều chỉnh)	VND	hồi tố	VND	(Sau điều chỉnh)	VND
1. Phải thu khách hàng	199.197.975.723	5.656.543.956			204.854.519.679	
2. Hàng tồn kho	2.878.468.751.131	1.208.217.733			2.879.676.968.864	
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(638.534.826)	157.109.733			(481.425.093)	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.616.581.488	1.937.535.969			5.554.117.457	
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.706.576.200	11.383.800.578			15.090.376.778	
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.453.530.229	(6.299.465.125)			18.154.065.104	

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chi tiêu	2014		Điều chỉnh		2014	
	(Trước điều chỉnh)	VND	hồi tố	VND	(Sau điều chỉnh)	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.189.257.624.727	5.034.926.364			1.194.292.551.091	
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.121.815.604.198	(156.926.974)			1.121.658.677.224	
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.442.020.529	5.191.853.338			72.633.873.867	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	3.547.572.285	1.326.525.448			4.874.097.733	
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31.481.478.986	6.518.378.786			37.999.857.772	
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.408.174.853	6.518.378.786			37.926.553.639	
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.954.644.624	1.434.043.333			8.388.687.957	
8. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.453.530.229	5.084.335.453			29.537.865.682	

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chi tiêu	2014		Điều chỉnh		2014	
	(Trước điều chỉnh)	VND	hồi tố	VND	(Sau điều chỉnh)	VND
Lợi nhuận trước thuế	31.408.174.853	6.518.378.786			37.926.553.639	
Các khoản dự phòng	-	(157.109.733)			(157.109.733)	
(Lãi) từ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	(1.051.290.759)			(1.051.290.759)	
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	(3.547.572.285)	(118.124.956)			(3.665.697.241)	
Thay đổi các khoản phải thu	(163.811.235.464)	(5.538.419.000)			(169.349.654.464)	
Thay đổi hàng tồn kho	(1.341.534.480.437)	(1.208.217.733)			(1.342.742.698.170)	
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	1.462.773.066.211	1.554.783.395			1.464.327.849.606	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÀU SỐ B 09-DN

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	314.190.630	2.491.821.422
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	244.283.280.523	11.371.715.294
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	52.148.772.817
	284.597.471.153	66.012.309.533

7. PHẢI THU NGÂN HÀNG CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Phải thu các bên liên quan		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	219.376.738.444	157.201.069.284
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	76.760.198.434	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	38.809.164.052	27.386.855.113
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	25.964.040.061	16.332.001.349
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	4.981.046.774	1.202.499.074
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	50.954.444	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	-	421.661.907
b) Phải thu khách hàng khác	3.977.534.470	2.310.432.952
	369.919.676.679	204.854.519.679

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Sojitz Corporation	3.953.053.458	-
Trust Maritime Service Pre Ltd	3.110.639.781	-
Các đối tượng khác	72.000.000	4.773.088.057
	7.135.693.239	4.773.088.057

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngân hạn		
Phải thu Siemens Aktiengesellschaft (i)	87.645.380.153	-
Tam Ung	2.182.056.562	734.327.759
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngân hạn	147.447.875	5.500.000
Phải thu ngân hạn khác	445.640.205	408.323.828
	90.420.524.795	1.148.151.587
b) Dài hạn		
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược dài hạn	215.860.000	205.360.000
	215.860.000	205.360.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

(i) Phải thu Siemens Aktiengesellschaft: phần ảnh hưởng khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu mà Công ty phải nộp thay cho nhà thầu nước ngoài Siemens Aktiengesellschaft cho giai đoạn từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 12 năm 2015, bao gồm: (1) số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 11 năm 2014 là 80.943.929.849 VND (theo Quyết định số 60944/KL-CT-KTT2 ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hà Nội) và (2) số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu ước tính từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 12 năm 2015 là 6.701.430.304 VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu nước ngoài nếu trên sẽ được Siemens Aktiengesellschaft thanh toán lại cho Công ty theo điều khoản của hợp đồng nên không phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản công nợ này.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014 (Tinh bày lại)	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	485.697.780.509	-	420.551.457.142	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	91.032.600	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (ii)	2.053.788.548.391	-	2.459.034.479.122	-
	2.539.486.328.900	-	2.879.676.968.864	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là vật tư, thiết bị nhập khẩu dự phòng phục vụ việc sửa chữa, đại tu các tổ hợp tuabin khí tại Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhon Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhon Trạch 2) theo hợp đồng bảo trì dài hạn với số tiền khoảng 486 tỷ VND.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí liên quan đến mua vật tư, thiết bị nhập khẩu và các chi phí phát sinh khác phục vụ việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhon Trạch 2 theo Hợp đồng giữa Công ty với nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam) với số tiền khoảng 2.001 tỷ VND.

Số dư các khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

11. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		Số khấu trừ, được hoàn (*)		31/12/2015
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	223.796.002.987	207.772.680.564	338.898.921.991	92.669.761.560			

(*) Theo Quyết định số 60944/KL-CT-KTT2 ngày 24 tháng 9 năm 2015, Cục thuế Thành phố Hà Nội đã xác định số thuế giá trị gia tăng của Công ty được hoàn cho giai đoạn từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 11 năm 2014 là 234.032.520.912 VND. Số thuế giá trị gia tăng này được bù trừ với tiền thuế Công ty phải nộp thay nhà thầu nước ngoài Siemens Aktiengesellschaft cho giai đoạn từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 11 năm 2014 với số tiền là 206.114.955.388 VND (bao gồm thuế giá trị gia tăng nhà thầu là 125.171.025.539 VND và thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu là 80.943.929.849 VND). Theo đó, trong năm 2015, Công ty thực nhận tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn cho giai đoạn từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 11 năm 2014 là 27.918.969.100 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Công
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	131.000.000	7.435.660.361	12.267.217.819	9.069.605.464	28.903.483.644
Mua sắm mới	178.000.000	11.849.774.052	893.561.818	947.706.364	13.869.042.234
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.068.337)	-	(1.033.402.635)	(1.061.470.972)
Tại ngày 31/12/2015	309.000.000	19.259.366.076	13.160.779.637	8.981.909.193	41.711.054.906

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	29.962.490	4.085.174.107	4.649.156.491	6.877.001.696	15.641.294.784
Trích khấu hao trong năm	48.350.907	2.984.383.878	1.441.094.521	852.732.751	5.326.562.057
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.068.337)	-	(1.035.402.635)	(1.061.470.972)
Tại ngày 31/12/2015	78.313.397	7.043.489.648	6.090.251.012	6.694.331.812	19.906.385.869
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	230.686.603	12.215.876.428	7.070.528.625	2.287.577.381	21.804.669.037
Tại ngày 31/12/2014	101.037.510	3.350.486.254	7.618.061.328	2.192.603.768	13.262.188.860

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 4.752.441.455 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.342.112.185 VND).



13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản đầu tư sau:

	31/12/2015		31/12/2014 (Trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	5.040.000.000	(63.047.979)	4.876.952.021	5.040.000.000 (481.425.093)

Do Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí chưa thực hiện nhiệm vụ cổ phiếu trên sản giao dịch chứng khoán, Ban Giám đốc Công ty xác định và trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con bằng giá gốc trừ dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i)	26.631.064.102	27.258.908.438
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.968.769.191	1.394.200.540
	30.599.833.293	28.653.108.978

(i) Khoản tiền thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng, tổng số tiền phải trả là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí thuê nhà tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÀN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số cổ khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số cổ khả năng trả nợ VND
Siemens Aktiengesellschaft (i)	2.921.069.814.193	2.921.069.814.193	2.957.096.351.144	2.957.096.351.144
Công ty TNHH Alstom Việt Nam	20.453.896.218	20.453.896.218	1.330.446.102	1.330.446.102
Các nhà cung cấp khác	43.039.216.268	43.039.216.268	4.455.161.974	4.455.161.974
	2.984.562.926.679	2.984.562.926.679	2.962.881.959.220	2.962.881.959.220

(i) Công ty ghi nhận công nợ phải trả với Siemens Aktiengesellschaft trên cơ sở các tờ khai hải quan nhập vật tư thiết bị phục vụ cho việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhon Trạch 2.

Số dư công nợ phải trả và khoản mục hàng tồn kho tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÀN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	VND	VND	VND
a) Các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhon Trạch 2		144.260.091.974		163.728.626.749
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na		42.847.144		-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau		-		56.518.020.259
b) Khách hàng khác				
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam		-		26.965.117.323
Các khách hàng khác		1.085.628.536		565.133.934
		145.388.567.654		247.776.898.265

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	31/12/2014		Phải sinh trong năm		31/12/2015	
	(Thành bản lai) VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/Vượt trả VND	Số đã nộp/Vượt trả VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu						
Thuế giá trị gia tăng đầu ra (tại Văn phòng Hà Nội)	-	-	-	1.468.057.576	-	1.468.057.576
Cộng	-	-	-	1.468.057.576	-	1.468.057.576
b) Các khoản phải trả						
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	842.586.508	201.220.508.648	201.605.570.242	457.524.914		
- Thuế GTGT đầu ra	842.586.508	23.297.932.966	25.682.994.560	457.524.914		
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	40.388.482.664	40.388.482.664	-		
- Thuế GTGT nhà thầu	-	135.534.093.018	135.534.093.018	-		
Thuế nhập khẩu	-	9.435.828.030	9.435.828.030	-		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.306.141.951	7.091.256.057	6.663.029.620	4.734.368.388		
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-		
Thuế thu nhập cá nhân	405.388.998	2.996.311.445	2.686.024.721	715.675.722		
Thuế khác	-	17.180.709.997	17.180.709.997	-		
Cộng	5.554.117.457	237.931.614.177	237.578.162.610	5.907.569.024		



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBảo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí trích trước cho dịch vụ do Công ty thực hiện	665.745.269	-
Chi phí phải trả khác	2.285.571.530	550.680.273
	2.951.316.799	550.680.273

19. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Cổ tức phải trả	1.945.162.499	11.740.941.670
Phải trả ngắn hạn khác	3.978.016.872	3.349.435.108
	5.923.179.371	15.090.376.778

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (i)	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (ii)	-	-	8.742.197.126	-	8.742.197.126	8.742.197.126
	-	-	121.521.374.974	51.892.726.909	69.628.648.065	69.628.648.065

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) theo Hợp đồng cấp tín dụng số MMD2015-57/HĐCCTD ngày 19 tháng 5 năm 2015 giữa Công ty và Techcombank. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức là 180.000.000.000 VND trong thời hạn 12 tháng với mục đích tài trợ các phương án có đầu ra của Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 6,2%/năm đến 6,7%/năm tùy thuộc vào từng kế ước nhận nợ.

(ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 184/HĐHM-PN/SHB.110100 ngày 07 tháng 8 năm 2015 giữa Công ty và SHB. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức là 300.000.000.000 VND trong thời hạn 12 tháng với mục đích tài trợ các phương án có đầu ra của Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 5,7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MÀU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp		Quy định từ		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Cộng
	của chủ sở hữu	phát triển	phát triển	tại chính		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	150.000.000.000	7.411.761.952	3.479.620.358	23.295.963.864	184.187.346.174	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	29.537.865.682	29.537.865.682	
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(18.750.000.000)	(18.750.000.000)	
Phân phối lợi nhuận	-	1.164.798.194	801.569.284	(4.545.963.864)	(2.579.596.386)	
Chia cổ tức năm 2014 cho PVPower theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước (i)	-	-	-	(11.383.800.578)	(11.383.800.578)	
Số dư tại ngày 31/12/2014	150.000.000.000	8.576.560.146	4.281.189.642	18.154.065.104	181.011.814.892	
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	4.281.189.642	(4.281.189.642)	-	-	
Số dư tại ngày 01/01/2015	150.000.000.000	12.857.749.788	-	18.154.065.104	181.011.814.892	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.857.968.364	24.857.968.364	
Chia cổ tức năm 2014 cho các cổ đông khác (ii)	-	-	-	(9.459.450.000)	(9.459.450.000)	
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	2.445.353.022	-	(5.140.706.044)	(2.695.353.022)	
Số dư tại ngày 31/12/2015	150.000.000.000	15.303.102.810	-	28.411.877.424	193.714.980.234	

(i) Theo Biên bản kiểm toán ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước, Công ty đã điều chỉnh hồi tố việc chia cổ tức năm 2014 cho PVPower (Công ty mẹ của Công ty).

(ii) Theo Nghị quyết số 97/NQ/ĐHCE-DKVT ngày 15 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2014 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính: 1.222.676.511 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2015, số dư quỹ dự phòng tài chính đã được phân loại sang số dư quỹ đầu tư phát triển theo hướng dẫn của Thông tư 200 nên Công ty trích số tiền này vào quỹ đầu tư phát triển trong năm 2015);
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 1.222.676.511 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.445.353.022 VND;
- Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành: 250.000.000 VND;
- Chia cổ tức: 19.305.000.000 VND. (Công ty đã điều chỉnh việc chia cổ tức cho PVPower trong năm 2014 với số tiền là 11.383.800.578 VND nên số cổ tức chia cho các cổ đông khác trong năm 2015 là 9.459.450.000 VND)

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
- Số lương cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Số lương cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Tầng 7, Tòa nhà H13, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SÓ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	76.500.000.000	51	76.500.000.000	76.500.000.000
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18	27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ đông khác	46.500.000.000	31	46.500.000.000	46.500.000.000
	150.000.000.000	100	150.000.000.000	150.000.000.000

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại	429,75	106,19
Đó la Mỹ (USD)		
Euro (EUR)	4.901,39	9.528,36

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 (Trình bày lại) VND
a) Doanh thu		
Doanh thu dịch vụ từ nhà thầu phụ OEM (1)	942.315.254.058	1.019.595.177.156
Doanh thu hàng thực thanh thực chi	12.114.487.206	24.612.850.536
Doanh thu Công ty tự thực hiện	325.020.564.789	150.084.523.399
	1.279.450.306.053	1.194.292.551.091

Trong đó:

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	700.764.948.846	709.939.026.665
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	341.324.572.554	441.509.606.377
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	82.293.684.300	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	52.548.714.180	30.189.967.687
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	10.176.953.307	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	926.444.436	-
	1.188.035.317.623	1.181.638.600.729

(1) Đối với các dịch vụ và hàng hóa này, Công ty ghi nhận doanh thu/phải thu với các nhà máy điện liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty thuê lại nhà thầu phụ OEM thực hiện.

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp thể hiện giá vốn của dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty thuê lại nhà thầu phụ OEM thực hiện và giá vốn tương ứng với doanh thu Công ty tự thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐÀU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Lãi tiền gửi	998.703.837	3.665.697.241
Lãi chênh lệch tỷ giá	400.692.607	1.051.290.795
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	157.109.697
	1.399.396.444	4.874.097.733

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.106.014.994 (318.377.114) 28.439.577	- - 246.348
	2.816.077.457	246.348

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	432.522.451.830	1.709.774.007.032
Chi phí nhân công	147.133.822.153	85.282.271.280
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.365.562.057	4.132.543.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211.742.554.536	485.358.502.642
Chi phí bằng tiền khác	44.500.871.554	6.957.317.835
	841.265.262.130	2.291.504.642.152

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.978.203.138	8.388.687.957
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	113.052.919	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.091.256.057	8.388.687.957



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, Tòa nhà H#3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	31.949.224.421	37.926.553.639
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		-
<i>Trừ: Chi phí năm trước trích thừa đã nộp thuế bổ sung</i>	(387.419.919)	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	157.300.669	203.846.166
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	31.719.105.171	38.130.399.805
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.978.203.138	8.388.687.957

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở số liệu sau:

	2015	2014
Lợi nhuận trong năm (VND)	24.857.968.364	29.537.865.682
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(2.445.353.022)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	24.857.968.364	27.092.512.660
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.657	1.806

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/TT-BTC. Ngoài ra, Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hệ số đơn bội tài chính

Hệ số đơn bội tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	69.628.648.065	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	284.597.471.153	66.012.309.533
Nợ thuần	(214.968.823.088)	(66.012.309.533)
Vốn chủ sở hữu	193.714.980.234	181.011.814.892
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	284.597.471.153	66.012.309.533
Phải thu khách hàng và phải thu khác	458.374.004.912	205.473.703.507
Đầu tư tài chính	4.876.952.021	4.558.574.907
Tổng cộng	747.848.428.086	276.044.587.947
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	67.196.310.198	18.892.004.780
Các khoản vay	69.628.648.065	-
Chi phí phải trả	2.951.316.799	550.680.273
Tổng cộng	139.776.275.062	19.442.685.053

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Tòa nhà H83, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty đánh giá rủi ro tỷ giá có khả năng phát sinh là không trọng yếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 31.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Trình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và dư vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBảo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	31/12/2015		31/12/2014	
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	284.597.471.153	-	66.012.309.533	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	458.158.144.912	215.860.000	205.268.343.507	205.360.000
Dầu tư tài chính	-	4.876.952.021	-	4.558.574.907
Tổng cộng	742.755.616.065	5.092.812.021	271.280.653.040	4.763.934.907
Phải trả người bán và phải trả khác	67.196.310.198	-	18.892.004.780	-
Các khoản vay	69.628.648.065	-	550.680.273	-
Chi phí phải trả	2.951.316.799	-	-	-
Tổng cộng	139.776.275.062	-	19.442.685.053	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	602.979.341.003	5.092.812.021	251.837.967.987	4.763.934.907
				256.601.902.894

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

NG 1
12/30
11
011
T NA
11

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Dakrinh	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2015	2014
	VND	VND
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	700.764.948.846	709.939.026.665
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	341.324.572.554	441.509.606.377
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	82.293.684.300	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	52.548.714.180	30.189.967.687
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	10.176.953.307	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Dakrinh	926.444.436	-
Trả cổ tức cho cổ đông		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	9.845.550.000	9.562.500.000
Các cổ đông khác	9.409.679.171	9.146.536.175
Phí quản lý		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	255.747.205	214.000.000
Phí quản lý nhà điều hành tại Cà Mau		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	333.125.000	-
Tiền điện, tiền thu nhà tại Nhơn Trạch		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	174.861.382	196.869.786
Thu nhập của Ban Giám đốc		
	2.505.449.135	3.860.574.833

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Phải thu khách hàng	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	219.376.738.444	157.201.069.284
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	76.760.198.434	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	38.809.164.052	27.386.855.113
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	25.964.040.061	16.332.001.349
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	4.981.046.774	1.202.499.074
Công ty Cổ phần Thủy điện Dakrinh	50.954.444	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	-	421.661.907

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tháng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm

Báo cáo tài chính

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chưa yêu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (Tiếp theo):

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Cố tức phải trả		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.595.720.458	11.383.800.578
Các cổ đông khác	349.442.041	357.141.092
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	144.260.091.974	163.728.626.749
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	42.847.144	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	56.518.020.259

32.

SỔ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của báo cáo năm trước được điều chỉnh bởi số theo kiểm nghi của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Biên bản kiểm toán Kỳ ngày 01 tháng 10 năm 2015 về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã ký ngày 17 tháng 3 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 5.

Một số số liệu sau khi điều chỉnh bởi số của năm trước được phân loại lại theo Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC				
Chi tiêu	Mã số	Chi tiêu	Mã số			
	VND		VND			
Bảng cân đối kế toán						
1. Các khoản phải thu khác	135	408.223.828	1. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.148.151.587	Đổi tên và đổi mã số
2. Tài sản ngắn hạn khác	138	739.827.759	2. Tài sản ngắn hạn khác	135	-	Phân loại lại
3. Phải thu dài hạn khác	216	-	3. Phải thu dài hạn khác	216	205.360.000	Phân loại lại
4. Tài sản dài hạn khác	268	205.360.000	4. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	8.576.560.146	5. Quỹ đầu tư phát triển	418	12.857.749.788	Phân loại lại
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	4.281.189.642	<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>	-	-	Phân loại lại

Nguyễn Thị Mai Hoa
Người lập biểu
Ngày 17 tháng 3 năm 2016

LÀ Đình Thái
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuấn
Giám đốc

Ghi chú: Xem toàn văn Báo cáo tài chính tại website: www.pvps.vn

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Hiến